

Tp. Hồ chí Minh, ngày 9 tháng 5 năm 2026

**BÁO CÁO TUẦN 19**  
(từ ngày 9/5/2026 đến 15/5/2026)

**I. TÌNH HÌNH PHỤC VỤ SẢN XUẤT VỤ HÈ THU NĂM 2026**

Diện tích phục vụ vụ Hè Thu năm 2026 đến ngày 15/5/2026 là: **12.107 ha**, cụ thể:

- 1. Khu vực Củ Chi : 4.768,5 ha**
- Hệ thống CTTL Kênh Đông Củ Chi : 4.296,5 ha;
  - Hệ thống CTTL An Phú – Phú Mỹ Hưng : 83,1 ha;
  - Đê bao VSSG đoạn từ rạch Thai thai đến cầu BS : 19,2 ha;
  - Đê bao VSSG từ rạch Sơn đến rạch Cầu Đen : 29,4 ha;
  - Hệ thống thủy lợi VSSG từ rạch LT đến sông Lu : 249,6 ha;
  - Hệ thống thủy lợi xã Tân Thạnh Đông : 90,7 ha.
- 2. Khu vực XNHM-BC quản lý : 2.277,9 ha.**
- CTTL Hóc Môn – Bắc Bình Chánh : 1.779,1 ha
  - Công trình Nạo vét, cải tạo rạch Cầu Sa : 498,8 ha.
- 3. Khu vực Nam rạch Tra : 2.600,3 ha.**
- CTTL Bắc rạch Tra : 924,5 ha;
  - CTTL Nam rạch Tra : 1.398,7 ha;
  - Công ngăn triều rạch Ông Đụng : 106,6 ha;
  - Hệ thống thủy lợi Cây Xanh – Bà Bép : 170,5 ha.
- 4. Khu vực Thủ Đức : 2.460,3 ha**
- CTTL Suối Nhum : 541 ha;
  - CTTL 05 công ngăn triều : 1.919,3 ha;

**II. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, CẤP NƯỚC:**

**1. Lượng nước sử dụng:**

a. Lượng nước trong tuần qua CĐT K34 và CĐT N25 từ ngày 09/5/2026 đến ngày 15/5/2026: 8.811.052 m<sup>3</sup>, cụ thể:

Ngày	K34					N25	
	MNTL	MNHL	A	Q(m <sup>3</sup> /s)	W(m <sup>3</sup> )	Q(m <sup>3</sup> /s)	W(m <sup>3</sup> )
09/5/2026	13,73	13,36	0,9	11,39	983.818	3,83	330.789
10/5/2026	13,69	13,35	0,9	10,92	943.091	3,71	320.285
11/5/2026	13,54	13,26	0,9	9,91	855.841	2,71	233.903
12/5/2026	13,58	13,26	0,9	10,59	914.932	3,58	309.425
13/5/2026	13,66	13,32	0,9	10,92	943.091	4,02	347.516
14/5/2026	13,69	13,36	0,9	10,75	929.118	3,48	300.958
15/5/2026	13,80	13,40	0,9	11,84	1.022.925	4,34	375.360
<b>Tổng cộng</b>					<b>6.592.816</b>		<b>2.218.236</b>

b. Lượng nước từ ngày 01/12/2025 đến 15/5/2026 là **183,99** triệu m<sup>3</sup> (trong đó K34+644: 142,52 triệu m<sup>3</sup>, K0-N25: 41,47 triệu m<sup>3</sup>).

c. Tình hình điều tiết nước: Tổ chức điều tiết vận hành công trình đảm bảo cấp đủ nước phục vụ sản xuất và cấp nước thô cho các nhà máy nước kênh Đông, khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi.

**2.Chất lượng nguồn nước kênh Đông:** Độ đục dao động từ (12,1÷17,8) NTU và pH dao động từ (7,11÷7,29).

**3.Mực nước Hồ Dầu Tiếng:** Dao động từ (20,24÷20,40)m.

	<b>Mực nước năm 2026(m)</b>	<b>Mực nước năm 2025 (m)</b>
09/5/2026	20,40	20,70
10/5/2026	20,38	20,71
11/5/2026	20,38	20,67
12/5/2026	20,34	20,61
13/5/2026	20,34	20,57
14/5/2026	20,27	20,52
15/5/2026	20,24	20,50

**4. Lượng mưa đo được tại các trạm:**

<b>STT</b>	<b>Trạm</b>	<b>Lượng mưa trong tuần (mm)</b>	<b>Mưa lũy tiến trong năm 2026 (mm)</b>
1	Xí nghiệp Củ Chi	0	100
2	N25-2	-	114
3	N31A (K0)	36	141
4	Trung An	26	197
5	K9-N46	-	169
6	An Phú	1	218
7	Thai Thai - Bến Súc	-	150
8	Xí nghiệp HM-BC		116
9	Cụm T10	10	168
10	Cụmkênh C		167
11	Gò Dưa		87
12	Ông Đụng		134
13	Ba Thôn		144

### 5. Diễn biến mực nước triều, chất lượng nước trong tuần:

– Mực nước Max trong tuần:

- + Cống Gò Dưa : + 1,38 m
- + Cống Ba Thôn : + 1,27 m
- + RT12 (bắc Rạch Tra): + 1,18 m
- + Cống kênh C : + 1,35 m
- + Cống An Hạ : + 1,08 m

– Chất lượng nước:

STT	Vị trí	Độ pH		Độ mặn (2026) Ngày 15/05/2026		Độ mặn (2025) Ngày 17/05/2025	
		PS	PD	PS	PS	PD	PS
1	Cống Tân Kiên	6,92	6,97	2,8	6,92	6,97	2,8
2	Cống kênh C	6,91	6,82	2,4	6,91	6,82	2,4
3	Cống kênh B	6,77	6,69	2,0	6,77	6,69	2,0
4	Cống kênh A	6,75	6,67	1,7	6,75	6,67	1,7
5	Ngã ba Lý Mạnh	6,54		1,4	6,54		1,4
6	Cống cuối kênh Ranh	6,45		0,4	6,45		0,4
7	Cống An Hạ	6,33	6,37	0,2	6,33	6,37	0,2
8	Cống T10	6,4		0,2	6,4		0,2

### III. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH:

- Tổ chức trực và vận hành công trình đảm bảo an toàn; trữ nước phục vụ sản xuất, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp và ngăn triều cường;
- Công trình 5 cống ngăn triều quận Thủ Đức: Vận hành đảm bảo an toàn công trình, phục vụ tốt sản xuất và dân sinh trên khu vực;
- Công trình Nam rạch Tra (cống Ba Thôn, Đá Hàn): Vận hành công trình đúng quy trình, kiểm tra đảm bảo an toàn công trình, ngăn triều, tiêu thoát nước tốt phục vụ sản xuất.